

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN ĐỊA LÍ)**  
**BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

**TÀI LIỆU**  
**TẬP HUẤN**  
**SỬ DỤNG**  
**SÁCH GIÁO KHOA**

HÀ NỘI – 2023



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>PHẦN A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b>	4
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	4
1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở	4
1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí	4
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	8
2.1. Một số thông tin chung	8
2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8	9
2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8	9
3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN ĐỊA LÍ	11
3.1. Đội ngũ tác giả	11
3.2. Thời lượng và nội dung	11
3.3. Quan điểm tiếp cận	15
4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN ĐỊA LÍ	19
5. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	21
5.1. Định hướng chung	21
5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh	22
5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí	22
5.4. Cách thức tổ chức dạy học phần Địa lí 8 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực	23
6. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ	29
<b>PHẦN B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ</b>	31
<b>PHẦN C. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC PHẦN ĐỊA LÍ 8</b>	36



1. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH	36
2. HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	37
2.1. Đánh giá bằng nhận xét	37
2.2. Đánh giá bằng điểm số	37
3. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN	38
4. ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	39
5. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC	41
5.1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	41
5.2. Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (ghép hợp)	43
5.3. Câu trắc nghiệm đúng/ sai (hoặc có/ không) phức hợp	44
5.4. Một số dạng câu hỏi khác	45
6. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	45
6.1. Các bước xây dựng đề kiểm tra	45
6.2. Hướng dẫn xây dựng ma trận đề kiểm tra	45
6.3. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra	48
6.4. Đề kiểm tra cuối học kì 1 – phân môn Địa lí	51



## PHẦN A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

#### 1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, môn *Lịch sử và Địa lí* cấp Trung học cơ sở là môn học bắt buộc, được dạy ở tất cả các lớp 6, 7, 8 và 9. Là môn học bắt buộc nhưng giáo viên (GV) cần làm sao không “bắt buộc” học sinh (HS) phải học, mà phải làm cho các em hào hứng, say mê học tập để mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Một số chủ đề chung là: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Các cuộc đại phát kiến địa lí;... Các chủ đề chung này xuất hiện trong chương trình môn học lớp 7, 8 và 9.

Môn *Lịch sử và Địa lí* có nhiệm vụ cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung, đồng thời hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

Đặc điểm của môn *Lịch sử và Địa lí* còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của chương trình. Đó là tính dân tộc, tính nhân văn; tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

Mạch nội dung của phần Địa lí trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí* được phân bổ theo lớp như sau:

- Lớp 6: Địa lí tự nhiên đại cương.
- Lớp 7: Địa lí các châu lục.
- Lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Lớp 9: Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.

#### 1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí

Do trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí* có hai mạch nội dung rõ ràng là lịch sử và địa lí nên trong các phần này trở về sau, phần Địa lí được gọi tắt là Địa lí, gắn với các lớp hay toàn cấp học. Ngay trong các chủ đề chung, cũng có các phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Địa lí, có những phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Lịch sử. Việc tích hợp thể hiện ở cấu tạo chủ đề chung và cách phát triển tư duy, năng lực cho HS. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công dạy học và bố trí nhân sự ở các nhà trường.



### 1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- Các phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Các năng lực đặc thù được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học Địa lí, sẽ hình thành *năng lực địa lí*. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực tìm hiểu địa lí và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Năng lực nhận thức khoa học địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– *Năng lực tìm hiểu địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

### 1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

**Bảng 1.1. Mô tả năng lực địa lí ở cấp Trung học cơ sở**

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<p><i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ.</li><li>– Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội.</li></ul>



<p>– Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí.</p> <p>– Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.</p>
<p><i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i></p> <p>– Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên.</p> <p>+ Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam.</p> <p>+ Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên.</p> <p>+ Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mỗi quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống.</p> <p>– Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội</p> <p>+ Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể.</p> <p>+ Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế.</p> <p>+ Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội.</p> <p>+ Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội.</p>



	<ul style="list-style-type: none"><li>– Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất</li><li>+ Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.</li><li>+ Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam.</li><li>– Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên</li><li>+ Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</li></ul>
Tìm hiểu địa lí	<p><i>Sử dụng các công cụ của Địa lí học</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam.</li><li>– Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình.</li><li>– Tính toán, thống kê: kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế.</li><li>– Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.</li></ul>
	<p><i>Tổ chức học tập ở thực địa</i></p> <p>Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan</p>



	<p>sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.</p>
	<p><i>Khai thác internet phục vụ môn học</i></p> <p>Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.</p>
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	<p><i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i></p> <p>Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.</p>
	<p><i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn</i></p> <p>Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.</p>

## 2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

### 2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 8 – Cánh Diều** đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 441/QĐ-BGDĐT ngày 28/1/2022.

– **Mục đích biên soạn:** Cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho GV khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

– **Đối tượng sử dụng:** HS lớp 8, các GV dạy Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, các cán bộ quản lí giáo dục, các phụ huynh HS.

– **Phạm vi sử dụng:** trong giờ học trên lớp và cả các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp.

– **Tổng số trang:** 176 trang.



– **Khổ sách:** 19 x 26,5.

– **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm**

## 2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8

Sách có **Hướng dẫn sử dụng sách** giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có **Lời nói đầu**, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Sách được cấu trúc thành các **chương, bài**. Mỗi chương tương ứng với một chủ đề lớn, phù hợp với các chủ đề đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết, nhưng phần lớn được thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/bài. Phần *Lịch sử* có 7 chương, 17 bài; phần *Địa lí* có 4 chương, 12 bài và 2 chủ đề chung.

Ngoài phần các chương, bài, cuốn sách còn có **Bảng giải thích thuật ngữ** và **Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài**.

**Bảng giải thích thuật ngữ** giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.

**Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài:** Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử, Địa lí. Một vấn đề mà nội dung sách đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang số địa danh xuất hiện.

## 2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8

Mỗi bài học đều có:

– **Tên bài** gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam.*



### Bài 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM

– **Yêu cầu cần đạt** viết dưới dạng “Học xong bài này, em sẽ...” bám sát với yêu cầu cần đạt đã được gợi ý trong chương trình, theo quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

#### Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí Việt Nam.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

– **Mở đầu:** thiết kế chữ không chân. Phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lôi cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.



Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ là nhân tố góp phần vào việc hình thành các đặc điểm tự nhiên của mỗi quốc gia. Điều này được thể hiện rất rõ ở nước ta. Vậy vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta có đặc điểm gì? Vị trí và phạm vi lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào tới sự hình thành đặc điểm tự nhiên của Việt Nam?

– **Kiến thức mới:** bao gồm **phần chính văn**, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Phần chữ được in bằng font Times New Roman, màu đen và các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nội dung bài học. Những **nội dung mở rộng** được đưa vào các ô Em có biết?



## I. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam

### 1. Đặc điểm vị trí địa lí

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, vừa gần với lục địa Á – Âu, vừa tiếp giáp với Biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.

Phần lãnh thổ đất liền nước ta kéo dài từ vĩ độ  $8^{\circ}34'B$  đến vĩ độ  $23^{\circ}23'B$  và từ kinh độ  $102^{\circ}09'Đ$  đến kinh độ  $109^{\circ}28'Đ$ . Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ  $6^{\circ}50'B$  và từ khoảng kinh độ  $101^{\circ}Đ$  đến khoảng kinh độ  $117^{\circ}20'Đ$  trên Biển Đông.

Vị trí địa lí của nước ta có các đặc điểm nổi bật là:

- Nằm trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.
- Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật trên đất liền và trên biển.
- Nằm ở nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.



Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta nằm ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; điểm cực Nam nằm ở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; điểm cực Đông nằm ở xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà; điểm cực Tây nằm ở xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh hoạ. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 1 sẽ có các hình 1.1, 1.2,...

– **Luyện tập và vận dụng**, trong đó được tách ra thành các câu hỏi mức độ Luyện tập và các câu hỏi mức độ Vận dụng. Phần này được đặt ở cuối bài.



1. Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm các khu vực địa hình của nước ta.



2. Địa phương nơi em sinh sống thuộc khu vực địa hình nào? Hãy mô tả về đặc điểm địa hình nơi em sinh sống.



### 3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN ĐỊA LÍ

#### 3.1. Đội ngũ tác giả

Đội ngũ tác giả phần Địa lí 8 có rất nhiều thế mạnh, thể hiện ở những điểm sau:

– Tổng chủ biên và Chủ biên: GS.TS Lê Thông (Tổng Chủ biên); PGS.TS Đặng Duy Lợi, TS. Nguyễn Quyết Chiến (đồng Chủ biên). Các thầy từng là Tổng chủ biên, Chủ biên và tác giả các bộ sách giáo khoa Địa lí SGK THCS và THPT trước năm 2018, đồng thời là Tổng chủ biên, Chủ biên và tác giả của nhiều sách tham khảo cho phổ thông, giáo trình, sách tham khảo cho Sau đại học, Đại học và Cao đẳng, sách chuyên khảo,....

– Các Tổng chủ biên, Đồng chủ biên và tác giả đều là những nhà khoa học, giảng viên Địa lí của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Vinh. Đây là những cơ sở đào tạo giáo viên Địa lí lớn của cả nước, luôn đi đầu trong việc nghiên cứu, vận dụng kiến thức mới và phương pháp giảng dạy tiên tiến vào nhà trường phổ thông.

– Đội ngũ tác giả với những thế hệ khác nhau, gắn với năng lực và kinh nghiệm biên soạn SGK. Trong đó: thế hệ đi trước có chuyên môn vững vàng và giàu kinh nghiệm, từng tham gia với vai trò khác nhau (Tổng chủ biên, Chủ biên, tác giả) của các sách giáo khoa Địa lí từ nhiều năm trước đây; thế hệ kế cận ngoài kiến thức chuyên môn còn có năng lực ngoại ngữ và tin học, giàu nhiệt huyết, năng động nên có khả năng thích ứng nhanh với những đổi mới của xã hội, tiếp cận được nguồn tài liệu chuyên môn rất phong phú về biên soạn sách giáo khoa, phương pháp Sư phạm của các nước tiên tiến trên thế giới.

#### 3.2. Thời lượng và nội dung

Toàn bộ thời lượng của *Lịch sử và Địa lí 8* là 105 tiết; trong đó có 8 tiết *Chủ đề chung* (chiếm 8 % tỉ lệ số tiết theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018). Vì vậy, dự kiến phần *Địa lí* có 48 tiết, phần *Lịch sử* có 49 tiết và 8 tiết *Chủ đề chung*.

Đối với 48 tiết phần *Địa lí*, dự kiến phân bổ số tiết chia đều cho cả 2 học kì, cụ thể như sau:

**Học kì 1:** 20 tiết học kiến thức mới + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 24 tiết.

**Học kì 2:** 20 tiết học kiến thức mới + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 24 tiết.

Đối với 8 tiết *Chủ đề chung*, hiệu trưởng phân công giáo viên có năng lực chuyên môn phù hợp để dạy học.

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần



phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học.

Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì. Trên thực tế, việc tổ chức số tiết học ở mỗi học kì có thể linh động, phụ thuộc vào điều kiện của mỗi nhà trường.

Để thuận tiện cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, nhóm tác giả dự kiến chia số tiết theo từng chủ đề (chương), còn số tiết cụ thể của từng bài sẽ do giáo viên, nhà trường phân bổ. Đặc biệt đối với nội chương trình *Địa lí 8* tìm hiểu về Địa lí tự nhiên Việt Nam, giáo viên có thể tăng thời lượng thực hành ở mỗi bài và bổ sung các nguồn dữ liệu gần gũi với HS, giúp các em hiểu rõ hơn về thực tiễn Việt Nam, địa phương. Các bản đồ trong sách được để ở khổ to, giáo viên có thể sử dụng để HS thực hành trực tiếp ngay trên lớp với các hình này.

**Bảng đối chiếu nội dung Chương trình GDPT năm 2018,  
các bài học trong sách giáo khoa và dự kiến số tiết của phần Địa lí**

<b>Nội dung Chương trình</b>	<b>Các bài trong sách giáo khoa</b>	<b>Số tiết</b>
<b>ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM</b>	<b>CHƯƠNG 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>	<b>12</b>
– Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam  Bài 2. Địa hình Việt Nam  Bài 3. Thực hành: Tìm hiểu về ảnh hưởng của địa hình đối với sự	
<b>ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>		

<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm chung của địa hình</li> <li>– Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình</li> <li>– Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế</li> <li>– Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu</li> </ul>	<p>phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế</p> <p>Bài 4. Khoáng sản Việt Nam</p>	
<p><b>ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM</b></p>	<p><b>CHƯƠNG 2. KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM</b></p>	<p><b>12</b></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng</li> <li>– Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam</li> <li>– Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn</li> <li>– Hồ, đầm và nước ngầm</li> <li>– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta</li> </ul>	<p>Bài 5. Khí hậu Việt Nam</p> <p>Bài 6. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu</p> <p>Bài 7. Thủy văn Việt Nam</p> <p>Bài 8. Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam</p>	
<p><b>ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM</b></p>	<p><b>CHƯƠNG 3. THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM</b></p>	<p><b>8</b></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng</li> <li>– Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính</li> <li>– Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên đất ở Việt Nam</li> <li>– Đặc điểm chung của sinh vật</li> <li>– Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam</li> </ul>	<p>Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam</p> <p>Bài 10. Đặc điểm chung của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam</p>	



<b>BIỂN ĐẢO VIỆT NAM</b>	<b>CHƯƠNG 4. BIỂN ĐẢO VIỆT NAM</b>	<b>8</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>– Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam</li><li>– Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông</li><li>– Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam</li></ul>	<p>Bài 11. Phạm vi Biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam</p> <p>Bài 12. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam</p>	
<b>Tổng: 48 tiết – 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá = 40 tiết học kiến thức mới</b>		

**Bảng đối chiếu nội dung Chương trình GDPT năm 2018, các bài học trong sách giáo khoa và dự kiến số tiết của phần Chủ đề chung**

<b>Nội dung Chương trình</b>	<b>Các bài trong sách giáo khoa</b>	<b>Số tiết</b>
<b>VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG</b> <ul style="list-style-type: none"><li>– Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính</li><li>– Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông</li></ul>	<b>CHỦ ĐỀ 1. VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG</b>	<b>4</b>
<b>BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG</b> <ul style="list-style-type: none"><li>– Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam</li><li>– Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo</li><li>– Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam</li></ul>	<b>CHỦ ĐỀ 2. BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG</b>	<b>4</b>
<b>Tổng: 8 tiết</b>		



*Lưu ý:* Phân phối chương trình mang tính chất dự kiến, có thể thay đổi linh hoạt phụ thuộc vào kế hoạch của từng nhà trường.

### **3.3. Quan điểm tiếp cận**

#### **3.3.1. Sách giáo khoa Địa lí 8 biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí – phần Địa lí**

Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí (cấp Trung học cơ sở) được ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Chương trình năm 2018).

Chương trình năm 2018 là CT mở, phục vụ cho chủ trương một chương trình nhiều sách giáo khoa, vì thế chỉ nêu lên mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và một số nội dung cốt lõi của mỗi lớp, mỗi cấp. Còn việc cách thức tổ chức dạy học thế nào, nội dung nào trước, nội dung nào sau,... hoàn toàn do các bộ sách và giáo viên tự quyết định. Có nghĩa là trong thực tế 3 bộ sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí 8 sẽ có cách triển khai rất khác nhau, nhưng tất cả đều phải hướng đến mục tiêu và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã nêu lên.

Chương trình Giáo dục phổ thông Quốc gia chỉ có một. Từ Chương trình, các địa phương căn cứ vào thực tiễn để thực hiện hoạt động giáo dục. Tức là Chương trình chỉ quy định “kết quả đầu ra” bằng các yêu cầu cần đạt đối với học sinh. Từ yêu cầu cần đạt này, Chương trình nêu lên một số kiến thức cốt lõi cần dạy để đạt được các yêu cầu. Cái đích của dạy và học là yêu cầu cần đạt. Chương trình trở thành cơ sở quan trọng nhất của việc dạy học, từ biên soạn sách giáo khoa, lựa chọn phương pháp và kiểm tra, đánh giá. Sách giáo khoa chỉ là một trong những tài liệu dạy học quan trọng nhưng không bắt buộc. Giáo viên có thể dạy theo bất kì bộ sách nào và lấy tư liệu từ các nguồn khác nhau để hướng dẫn học sinh học hằng ngày, miễn là đáp ứng được yêu cầu của Chương trình.

Sách giáo khoa trở thành công cụ, phương tiện để giúp giáo viên, học sinh dạy và học nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của Chương trình. Vì thế khi kiểm tra, đánh giá phải dựa vào yêu cầu cần đạt của Chương trình, không dựa vào một sách giáo khoa cụ thể nào cả.

Chính vì vậy, để thuận tiện và hiệu quả nhất cho giáo viên và học sinh, trong quá trình biên soạn phần Địa lí 8 – Cánh Diều, nhóm tác giả đã bám sát và phân tích chi tiết mỗi yêu cầu cần đạt trong Chương trình năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí, nội dung giáo dục Địa lí.



### 3.3.2. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

– Về phát triển phẩm chất cho HS: phần Địa lí 8 liên quan đến địa lí tự nhiên Việt Nam, nên trong mỗi bài cụ thể, đều có sử dụng các tư liệu và tình huống gắn với Việt Nam hay những địa phương của Việt Nam. Thông qua các kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam, cùng với việc sử dụng các số liệu, bản đồ, hình ảnh và tình huống cụ thể, học sinh bước đầu hình thành được tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

Hệ thống bản đồ về vị trí Địa lí và các thành phần tự nhiên Việt Nam được biên tập thống nhất, thể hiện đầy đủ, rõ ràng về vị trí Địa lí, phạm vi và chủ quyền lãnh thổ. Đây là nguồn tài liệu quan trọng hỗ trợ hiệu quả trong việc giáo dục cho học sinh và người đọc về chủ quyền lãnh thổ Quốc gia.

Các tình huống học tập được xây dựng trong các bài học luôn khuyến khích HS chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. GV có thể xây dựng các tình huống học tập khám phá, hoạt động nhóm, thông qua đó đánh giá được các phẩm chất này của học sinh.

– Về phát triển các năng lực chung cho HS: Mỗi bài học trong phần Địa lí 8 đã đưa ra các câu hỏi, bài tập cũng như các tình huống yêu cầu học sinh phải giải quyết (ví dụ, cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải thể hiện được các ý kiến riêng của mình,...) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, ví dụ: Hãy tìm hiểu và thu thập thông tin về những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế ở địa phương em (trong bài 1).

– Về các năng lực đặc thù địa lí: Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù địa lí là điểm nhấn trung tâm trong phần Địa lí 8 và được triển khai nhất quán trong tất cả các bài học. Năng lực đặc thù của địa lí bao gồm 3 thành phần: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức và kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam trong SGK cùng với các kĩ năng, học sinh dần dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao, phù hợp với từng lớp học, cấp học.

#### + Năng lực nhận thức khoa học địa lí

Trong phần Địa lí 8, năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian được hình thành trong tất cả các chương nội dung và được củng cố, phát triển thêm trong mỗi bài học cụ thể. Các chương/bài trong phần Địa lí 8 có nhiều bản đồ, lược đồ với nhiều câu hỏi nhận thức Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? đòi hỏi học sinh phải chủ động tìm câu trả lời khi đọc và khai thác thông tin từ các bản đồ, lược đồ.





Năng lực giải thích các hiện tượng, quá trình tự nhiên và những tác động của tự nhiên đến kinh tế – xã hội được phát triển trong khi học sinh khai thác các nguồn thông tin khác nhau trong sách giáo khoa, cả kênh chữ, kênh hình. Trong phần lớn các trường hợp, học sinh chỉ khai thác một bản đồ trong bài đang học, tuy nhiên, có những tình huống yêu cầu học sinh đọc thông tin kênh chữ và kết hợp thông tin trong kênh chữ với thông tin trong kênh hình, hoặc kết hợp giữa thông tin trong bài học với kiến thức thực tế, hoặc phải đối chiếu nội dung hai bản đồ khác nhau... để hoàn thành các yêu cầu, nhiệm vụ của bài học. Các câu hỏi, nhiệm vụ đặt ra thường kích thích trí tò mò, ham hiểu biết của học sinh, từ đó lôi cuốn các em tìm hiểu thông tin để trả lời một cách tích cực và chủ động. Trong các bài học, cũng có nhiều tình huống yêu cầu học sinh sơ đồ hoá, lập sơ đồ tư duy (mind-map),...

+ *Năng lực tìm hiểu địa lí:* Nhiều tình huống khác nhau đã được tổ chức trong các bài học:

- Đọc hiểu văn bản, rồi phát biểu lại thành một nội dung hoàn chỉnh; tìm ra ý cốt lõi trong thông điệp của văn bản;...
- Khai thác thông tin, bình luận một bức ảnh/tranh vẽ từ góc độ địa lí.
- Làm việc với bản đồ thông dụng, khai thác thông tin từ các bản đồ chuyên đề trong sách giáo khoa.
- Phân tích biểu đồ, bảng số liệu.
- Thực hành viết báo cáo địa lí.
- Thu thập và chọn lọc thông tin từ sách, báo, internet,... để giải quyết các tình huống học tập.

+ *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Trong những bài học sẽ có các tình huống đòi hỏi học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào những tình huống tương tự hoặc tình huống mới. Khi xây dựng các tình huống để phát triển năng lực cho học sinh, các tác giả cố gắng làm cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, trình độ tư duy của học sinh lớp 8.

### ***3.3.3. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập***

*a) Các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học dựa trên cơ sở:*

– Mỗi chương dành cho một chủ đề và các bài học trong chương được phân bổ nội dung logic, lượng kiến thức mới vừa phải, để GV có thời gian thực hiện và thay đổi các phương pháp và hình thức dạy học.



– Tư liệu học tập phong phú, được lựa chọn và biên soạn có ý đồ về mặt phương pháp dạy học. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa kênh chữ và kênh hình.

– Trong bài có các gợi ý về câu hỏi, tình huống học tập, có liên quan hay phát triển từ các tư liệu học tập có trong bài hoặc có liên quan đến việc “móc nối” kiến thức ở bài trước.

– GV hoàn toàn có thể dựa trên các học liệu và các tình huống được gợi ý trong phần Địa lí 8 để thay đổi phương pháp và hình thức dạy học, đổi mới cách đánh giá thông qua hệ thống kênh hình, có sự tương tác trực tiếp, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

*b) Các bài học trong Địa lí 8 khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập dựa trên cơ sở:*

– Nội dung SGK được tổ chức để học sinh dễ dàng tiếp nhận văn bản và văn phong sáng rõ, thân thiện với học sinh.

– Nội dung bài học với các bài tập có tính tình huống luôn khuyến khích học sinh đi từ cái đã biết đến khám phá cái chưa biết, vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp tương tự, tăng cường suy luận và giải thích.

– Nội dung các hoạt động học tập khuyến khích học sinh tự tìm kiếm thông tin (ví dụ, có các gợi ý tìm kiếm thông tin trên internet, tìm dẫn chứng từ cuộc sống tại địa phương).

– Nội dung bài học cân đối giữa kiến thức sự kiện (về các đối tượng, hiện tượng địa lí cụ thể) và kiến thức lí thuyết. Có các nội dung mở rộng để học sinh chủ động trong học tập và có kiến thức cơ bản tốt để học tập sáng tạo.

– Học sinh được chủ động, sáng tạo trong học tập và có nhiều cơ hội tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Tính thực hành, vận dụng được chú trọng trong mỗi bài học, nhiều nội dung trong bài gắn liền với thực tiễn Việt Nam hoặc địa phương. Đặc biệt là các tình huống ở bài thực hành và phần vận dụng. Mức độ vận dụng của học sinh cũng đã được tính toán để phù hợp với trình độ và tâm lí lứa tuổi ở lớp 8.

#### **3.3.4. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng**

Đối với phần Địa lí 8, yêu cầu tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên với địa lí kinh tế – xã hội, lồng ghép các nội dung liên quan giữa hai khối kiến thức này như: tìm hiểu mối liên hệ giữa đặc điểm địa hình, khí hậu, đất,... đến các hoạt động sản xuất và đời sống của con người.

– Tích hợp, vận dụng kiến thức của các môn học khác (Toán học, Lịch sử, Sinh học, Vật lí,...) để làm sáng tỏ các kiến thức địa lí.



Phần Địa lí 8 chú trọng tính thực hành và vận dụng, gắn nội dung bài học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống. Các chương nội dung đã xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là yêu cầu quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực cho HS. Yêu cầu này chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù. Điều này được thể hiện ở mỗi bài đều có các tình huống vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn, đặc biệt ở các bài thực hành.

#### 4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN ĐỊA LÍ

**Điểm mới quan trọng nhất của Địa lí 8 là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực.** Đây là xu hướng chung của thế giới và đang được triển khai ở Việt Nam.

Thông qua các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực địa lí tự nhiên Việt Nam cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh và tình huống cụ thể, HS bước đầu hình thành được tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

Ở trong các bài học của *Địa lí 8* đã đưa ra nhiều nhiệm vụ học tập cũng như các tình huống yêu cầu HS phải giải quyết (ví dụ như cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải có ý kiến cá nhân về một hiện tượng địa lí) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề.

Ví dụ: – *Địa phương em sinh sống thuộc miền khí hậu nào? Hãy tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về các đặc điểm khí hậu ở nơi đó.*

– *Tìm hiểu và giới thiệu về một trong số các đảo là mốc xác định đường cơ sở của vùng biển Việt Nam.*

Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù địa lí là điểm nhấn trung tâm trong *Địa lí 8* và được triển khai nhất quán trong các bài học. Năng lực đặc thù địa lí bao gồm 3 thành phần: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức và kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên Việt Nam trong SGK cùng với các kĩ năng, HS dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao phù hợp với từng lớp học, cấp học.

**Địa lí 8 đảm bảo tính kế thừa và hiện đại.** Kế thừa những ưu điểm của SGK Địa lí 8 trước đó, đặc biệt là SGK hiện hành, tiếp thu kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến cùng với thực tiễn giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của HS ở các vùng, miền khác nhau.



Địa lí 8 đảm bảo được tính hiện đại. Điều đó được thể hiện ở việc hiện đại hoá hệ thống kiến thức, bổ sung những kiến thức mới (ví dụ: giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có nhóm giải pháp thích ứng và nhóm giải pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu; vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam).

Đồng thời, việc giảm tải nội dung là hết sức quan trọng. Trong chương trình sách giáo khoa hiện hành lớp 8, HS được học về đặc điểm địa lí chung của châu Á và các khu vực của châu Á, Địa lí tự nhiên Việt Nam. Tuy nhiên, với Chương trình năm 2018, ở lớp 8 HS chỉ học về Địa lí tự nhiên Việt Nam.

***SGK Địa lí 8 góp phần giúp giáo viên và HS đổi mới quá trình dạy và học.***

– Giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới cách đánh giá thông qua hệ thống kênh hình, có sự tương tác trực tiếp với HS.

– HS được chủ động, sáng tạo trong học tập và có nhiều cơ hội tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tính thực hành, vận dụng được chú trọng trong mỗi bài học, nhiều nội dung trong bài gắn liền với thực tiễn Việt Nam hoặc địa phương. Đặc biệt là các tình huống ở bài thực hành và phần Vận dụng.

Ví dụ:

– Ở Bài 5: *Lựa chọn một địa điểm du lịch mà em biết, tìm kiếm thông tin và phân tích ảnh hưởng của khí hậu đối với hoạt động du lịch ở địa điểm đó.*

– Ở Bài 8: *Hãy nêu một số hành động mà em có thể thực hiện để góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu.*

Mức độ vận dụng của HS cũng đã được tính toán để phù hợp với trình độ và tâm lí lứa tuổi ở lớp 8.

***Địa lí 8 chú trọng yêu cầu tích hợp.*** Tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên với địa lí kinh tế – xã hội, lồng ghép các nội dung liên quan như tìm hiểu mối liên hệ giữa đặc điểm địa hình, khí hậu, đất,... đến các hoạt động sản xuất và đời sống của con người. *Địa lí 8* Chương trình năm 2018 thể hiện tính hệ thống: tự nhiên, con người và bảo vệ tự nhiên.

– Vận dụng kiến thức của các môn học/ phân môn học khác (Toán học, Lịch sử, Sinh học, Vật lí,...) để làm sáng tỏ các kiến thức địa lí. Ví dụ: tính toán số liệu để nhận xét về đặc điểm khí hậu, kết hợp với kiến thức lịch sử để trình bày quá trình con người khai khẩn



và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước sông Hồng và sông Cửu Long, trình bày về quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam,...

Tất cả các hình thức này ở mức độ khác nhau đã được chú ý trong quá trình biên soạn *Địa lí 8*.

**Địa lí 8 đổi mới về hình thức và cách trình bày.** Hình thức của SGK *Lịch sử và Địa lí 8* có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Đối với mỗi bài học, ngoài yêu cầu cần đạt được đóng khung là lần lượt 3 phần có liên hệ mật thiết với nhau: Mở đầu, Cung cấp kiến thức mới, Luyện tập và vận dụng.

Bản đồ là thiết bị dạy học không thể thiếu trong dạy học địa lí. Trong *Địa lí 8*, các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ được xây dựng kỹ lưỡng, cả về nội dung khoa học và chất lượng hình ảnh; tạo ra tình huống học tập, vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa tạo điều kiện để HS phát triển các kĩ năng và năng lực tìm hiểu địa lí.

Bên cạnh SGK, sách giáo viên, phiên bản điện tử còn hỗ trợ giáo viên sử dụng các phương tiện và thiết bị dạy học theo yêu cầu mở: hiện đại, phù hợp và khả thi.

## 5. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

### 5.1. Định hướng chung

Để tổ chức hoạt động học tập trong dạy học phần Địa lí 8 ở nhà trường THCS nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV cần chú trọng tới một số vấn đề về phương pháp giáo dục sau:

– Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.

– Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.



– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các bảng thống kê, video clip, các phiếu học tập có các nguồn học liệu, phần mềm dạy học,... nhằm minh họa bài giảng của GV và hỗ trợ các hoạt động học tập của HS.

## **5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh**

– Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu: thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,... hình thành và bồi dưỡng ở HS nhận thức và tình cảm về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó, hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hoá nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

– Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung:

+ *Năng lực tự chủ và tự học* được hình thành, phát triển ở HS thông qua việc tự tổ chức, quản lý các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

+ *Năng lực giao tiếp và hợp tác* được hình thành và phát triển ở HS thông qua việc thực hiện và phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp thực hiện những nhiệm vụ được phân công, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,...

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* được hình thành, phát triển ở HS qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực như: nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,...

## **5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí**

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,... để hình thành các biểu tượng địa lí; hướng dẫn HS học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV hướng dẫn HS tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư



liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,... kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Như thế nào?”, “Tại sao?”: khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;...

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip, tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book và một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

#### **5.4. Cách thức tổ chức dạy học phần Địa lí 8 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực**

Lựa chọn cách thức tổ chức các hoạt động học tập, chiến lược dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu là một nhiệm vụ rất quan trọng của GV. Trong dạy học Địa lí, đó là các quá trình tổ chức cho HS tìm hiểu về các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội diễn ra trong không gian và thời gian; tìm hiểu về sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; là cách thức tổ chức cho HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học địa lí; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất cơ bản của người công dân thời đại mới, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của môi trường tự nhiên và nhân văn trên thế giới; khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Do vậy, để tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học phần Địa lí 8, GV cần phải quan tâm tới một số vấn đề sau:

**Một là:** GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “kim chỉ nam” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những phẩm chất và năng lực nào.



Trong phần Địa lí 8, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở *Bài 5. Khí hậu Việt Nam*, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

### Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong Bài 5



## Bài 5. KHÍ HẬU VIỆT NAM

#### Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.
- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.
- Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.
- Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học phần Địa lí 8 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử và Địa lí 8. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

**Hai là:** Xác định rõ nội dung các hoạt động và nhiệm vụ dạy học cần phải tổ chức cho HS trong mỗi bài học.

Trong dạy học theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, việc học tập của HS được thể hiện qua chuỗi các hoạt động dạy học. Cụ thể như: hoạt động mở đầu, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập và vận dụng:

#### \* **Hoạt động mở đầu**

– **Mục đích:** Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/ nhiệm vụ





trong các hoạt động này là những câu hỏi/ vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

– *Phương thức thực hiện:* Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản thảo, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...). GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết.

– *Sản phẩm:* Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

*Lưu ý:* Khi xây dựng tình huống xuất phát phải gần gũi với đời sống mà HS dễ cảm nhận và đã có ít nhiều những quan niệm ban đầu về chúng. Việc xây dựng tình huống xuất phát cần phải chú ý tạo điều kiện cho HS kết nối giữa cái biết và cái chưa biết, hứng thú và mong tìm cái chưa biết.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 6 – Khí hậu Việt Nam, GV có thể sử dụng phần mở đầu như trong sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.



Việt Nam có đặc điểm khí hậu khác biệt so với nhiều nước có cùng vĩ độ. Đây là nhân tố tự nhiên quan trọng có ảnh hưởng đến các thành phần tự nhiên khác, các ngành sản xuất và đời sống con người. Vậy khí hậu nước ta có những đặc điểm nổi bật nào? Khí hậu phân hoá ra sao và ảnh hưởng như thế nào tới các hoạt động kinh tế?

**\* Hoạt động hình thành kiến thức mới**

– *Mục đích:* Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Thông qua các hoạt động học tập này, HS thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ, phát hiện được kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt được đề cập đến trong bài học. Trong dạy học phần Địa lí 8 ở nhà trường THCS, hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS tập trung vào hoạt động tìm hiểu về các đặc điểm của Địa lí tự nhiên Việt Nam.

– *Phương thức thực hiện:* GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo địa lí.

– *Sản phẩm học tập:* Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, địa hình và khoáng sản Việt Nam; Khí hậu và thủy văn Việt Nam; Thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam; Biển đảo Việt Nam và các chủ đề chung bao gồm: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Kiến thức, kỹ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 2 – Địa hình Việt Nam, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Hoạt động hình thành kiến thức mới</b>	<b>Nhiệm vụ học tập của HS</b>
<b>Yêu cầu 1:</b> Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.	<b>Hoạt động 1:</b> Tìm hiểu về đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.	Đọc thông tin và quan sát các hình, hãy: <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cho biết địa hình nước ta có những đặc điểm chủ yếu nào.</li> <li>– Lựa chọn và trình bày một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình nước ta.</li> </ul>

<p><b>Yêu cầu 2:</b> Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thêm lục địa.</p>	<p><b>Hoạt động 2:</b> Tìm hiểu về đặc điểm các khu vực địa hình</p>	<p>– Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin và quan sát hình 2.2, hãy trình bày đặc điểm địa hình của các khu vực đồi núi ở nước ta.</p> <p>– Nhiệm vụ 2: Đọc thông tin và quan sát hình 2.2, hãy trình bày đặc điểm địa hình của các khu vực đồng bằng ở nước ta.</p> <p>– Nhiệm vụ 3: Đọc thông tin và quan sát các hình 2.2, 2.8, hãy trình bày đặc điểm địa hình của khu vực bờ biển và thêm lục địa ở nước ta</p>
--	--	---

**\* Hoạt động luyện tập**

– *Mục đích:* Giúp HS củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức của bài học.

– *Phương thức thực hiện:* GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– *Sản phẩm:* Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống theo nội dung cụ thể của từng bài học.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS luyện tập sau khi học xong về Bài 5 – Khí hậu Việt Nam, GV có thể tổ chức cho HS trả lời 2 câu hỏi ở phần luyện tập trong SGK.



**Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:**

1. Tóm tắt đặc điểm tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu Việt Nam.
2. Vẽ sơ đồ thể hiện sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.



**\* Hoạt động vận dụng**

– *Mục đích:* Hoạt động này giúp cho HS vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học để giải quyết một tình huống thực tiễn nào đó, đồng thời, giúp HS tăng cường ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng; hứng thú với các hoạt động tìm hiểu tự nhiên và xã hội,...

– *Phương thức thực hiện:* HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kỹ năng (vừa được lĩnh hội), kinh nghiệm của bản thân trong nhiều tình huống khác nhau và tương tự để giải các bài tập/ tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

– *Sản phẩm:* Sản phẩm thực hành, câu trả lời, lời giải và kết quả giải các bài tập/ tình huống, bản báo cáo, sản phẩm nghiên cứu của HS, các tư liệu, sản phẩm được HS sưu tầm, trích dẫn,... được trưng bày, báo cáo, thuyết trình.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Cần tạo ra tình huống thực tiễn nào để HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học để giải quyết?

+ Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân HS?

Ví dụ: Để tổ chức hoạt động Vận dụng sau khi học xong Bài 5 – Khí hậu Việt Nam, GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 2 ở phần Vận dụng trong SGK.



**Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:**

3. Lựa chọn một địa điểm du lịch mà em biết, tìm kiếm thông tin và phân tích ảnh hưởng của khí hậu đối với hoạt động du lịch ở địa điểm đó.
4. Địa phương em sinh sống thuộc miền khí hậu nào? Hãy tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về các đặc điểm khí hậu ở nơi đó.

## 6. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ

### 6.1. Sách giáo viên



Sách giáo viên được viết bám sát sách giáo khoa của học sinh, mở rộng, giải thích làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGK tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong sách giáo khoa.

Để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo sách giáo viên, từ đó hiểu đúng mục tiêu các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người giáo viên trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, Chương trình và sách giáo khoa theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích người GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể. Các câu gợi ý trả lời câu hỏi trong SGK chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể GV hoàn toàn có thể thêm bớt miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

**6.2.** Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh họa tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).

### LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 8

**Cấp học**

Trung học cơ sở ▾

---

**Lớp học**

Lớp 6

Lớp 7

Lớp 8 Mới!

---

**Môn học**

Giới thiệu chung

Ngữ văn

Toán

Tiếng Anh

Giáo dục công dân

Lịch sử và Địa lí

Khoa học tự nhiên

Công nghệ

Tin học


Giáo dục thể chất

Âm nhạc


Mĩ thuật

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp


**Giới thiệu sách**




Video giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí 8 (phần Địa lí)




Video giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử)




Slide giới thiệu SGK phần Lịch sử-Lịch sử...



Slide giới thiệu SGK phần Địa lí-Lịch sử...




Giới thiệu SGK phần Lịch sử-Lịch sử và...



Giới thiệu SGK phần Địa lí -Lịch sử và Đ...

---

**Sách giới thiệu**



Lịch sử và Địa lí 8

Bên cạnh sách giấy (SGK, SGV, Sách bài tập), bộ sách Cánh Diều còn có phiên bản điện tử và nhiều học liệu điện tử sinh động đi kèm để hỗ trợ quá trình giảng dạy – học tập của GV và HS như sau:

- Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8.
- Sách giáo viên Lịch sử và Địa lí 8.
- Tài liệu hỗ trợ tập huấn (Phân phối chương trình, kế hoạch bài dạy, video minh họa tiết dạy tham khảo,...).
- Học liệu điện tử
- Bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...

Các nguồn tài nguyên sách bổ trợ, sách tham khảo đi kèm SGK Lịch sử và Địa lí 8 này cũng được biên soạn bám sát yêu cầu cần đạt của nội dung Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các tài liệu này là phương tiện hỗ trợ hiệu quả cho GV trong việc biên soạn, thiết kế các phương án dạy học phù hợp, hướng đến rèn luyện năng lực, phẩm chất cho HS. GV, phụ huynh HS và HS có thể GV, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử trên trang: <https://hoc10.vn/>



## PHẦN B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

### BÀI 2. ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

#### Tiết 2: Đặc điểm các khu vực địa hình

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức

Trình bày được đặc điểm các khu vực địa hình đồi núi của Việt Nam.

##### 2. Năng lực

###### \* Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động tìm kiếm thông tin, tranh ảnh về các khu vực địa hình của nước ta.

###### \* Năng lực đặc thù

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày đặc điểm của các khu vực địa hình (địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa).

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc cập nhật thông tin và liên hệ thực tế về địa hình ở địa phương em.

##### 3. Phẩm chất

– Chăm chỉ và có trách nhiệm trong học tập.

– Yêu thiên nhiên, đất nước Việt Nam.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Chuẩn bị của giáo viên

Bản đồ địa hình Việt Nam.

##### 2. Chuẩn bị của học sinh

Sách giáo khoa, vở ghi và các đồ dùng học tập cần thiết khác.

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### 1. Hoạt động khởi động

a) *Mục tiêu:* Kiểm kê kiến thức đã có của HS về địa hình; tạo tình huống học tập cho bài mới; tạo hứng thú học tập cho HS.

b) *Nội dung:* HS quan sát đoạn video clip khoảng 1 phút có nội dung về các dạng địa hình ở Việt Nam.



c) Sản phẩm: HS trả lời được các dạng địa hình chính ở nước ta.

d) Cách thực hiện:

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát đoạn video clip khoảng 1 phút có nội dung về các dạng địa hình ở Việt Nam và đặt câu hỏi: Kể tên các dạng địa hình xuất hiện trong đoạn video clip. Theo em, dạng địa hình nào chiếm phần lớn diện tích ở nước ta?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét.

**Bước 3: GV nhận xét, vào bài:** Địa hình nước ta có sự phân hoá đa dạng, phức tạp từ bắc xuống nam, từ tây sang đông, từ miền núi xuống đồng bằng và được phân thành 3 khu vực địa hình chính: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa. Mỗi khu vực địa hình lại có những đặc điểm tự nhiên khác nhau, vậy những đặc điểm đó là gì? Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

### 2.1. Hoạt động tìm hiểu đặc điểm khu vực đồi núi

a) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm các khu vực đồi núi.

b) Nội dung: HS làm việc nhóm.

c) Sản phẩm:

Bảng thảo luận nhóm của HS.

Khu vực	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
<b>Phạm vi</b>	Phía đông thung lũng sông Hồng.	Giữa Sông Hồng và sông Cả.	Phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.	Phía nam dãy Bạch Mã.
<b>Đặc điểm địa hình</b>	– Núi thấp, hướng vòng cung. – Có các khối núi đá vôi đồ sộ cao trên 1 000 m.	– Núi cao và núi trung bình hướng tây bắc – đông nam. – Có các vùng bán bình nguyên	– Núi trung bình và núi thấp chạy song song và so le. – Sườn tây rộng và thoải, sườn đông hẹp và dốc	– Núi có dạng khối, cao, đồ sộ. – Các cao nguyên ba-dan xếp tầng. – Địa hình bán bình nguyên với các bậc thềm phù





	– Có địa hình cac-xơ lớn nhất cả nước. – Địa hình trung du có diện tích lớn.	và các bồn địa rộng.		sa cổ và các bề mặt phủ ba-dan.
<b>Hướng nghiêng địa hình</b>	Hướng tây bắc – đông nam.	Hướng tây bắc – đông nam.	Hướng tây bắc – đông nam và đông – tây.	Sườn tây thoải, sườn đông dốc.
<b>Các dãy núi chính</b>	Cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.	Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao,...	Trường Sơn Bắc, Hoàng Sơn, Bạch Mã,...	Khối núi Kon Tum, khối núi cực Nam Trung Bộ.

*d) Cách thực hiện:*

*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:* Địa hình đồi núi ở nước ta được chia thành những khu vực nào? Mỗi khu vực địa hình có đặc điểm như thế nào (phạm vi, đặc điểm địa hình, hướng nghiêng địa hình, các dãy núi chính)?

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS theo dõi video clip, nội dung SGK để hoàn thành bảng thảo luận trong thời gian 5 phút.

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ*

HS quan sát video, nghiên cứu thông tin trong SGK, Atlas địa lí để thảo luận nhóm.

Sau khi hết thời gian thảo luận, GV yêu cầu các nhóm treo bảng thảo luận lên.

*Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận*

Đại diện một nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*Bước 4: GV kết luận.* GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

## **2.2. Hoạt động tìm hiểu khu vực đồng bằng**

*a) Mục tiêu:* HS trình bày được đặc điểm của địa hình đồng bằng ở nước ta.



b) *Nội dung*: HS báo cáo bài tập dự án đã chuẩn bị về đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.

c) *Sản phẩm*: Đặc điểm của các khu vực đồng bằng.

– Đồng bằng sông Hồng:

+ Diện tích 15 000 km<sup>2</sup>.

+ Được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình.

+ Trong đồng bằng còn nhiều đồi núi sót, có hệ thống đê sông chia cắt đồng bằng thành các ô trũng.

– Đồng bằng sông Cửu Long:

+ Diện tích 40 000 km<sup>2</sup>.

+ Được bồi đắp bởi phù sa của sông Mê Công

+ Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Trong đồng bằng có nhiều ô trũng, vùng đầm lầy.

d) *Cách thực hiện*:

*Bước 1: GV giao nhiệm vụ*

– GV gọi HS lên xác định trên bản đồ phạm vi của khu vực đồng bằng.

– GV yêu cầu HS đọc lại yêu cầu bài tập dự án chuẩn bị từ tiết trước.

Mời đại diện một nhóm lên báo cáo bài tập dự án tìm hiểu về đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ*

HS lên báo cáo bài tập dự án.

*Bước 3: HS trả lời câu hỏi*

HS khác nhận xét bổ sung.

*Bước 4: GV nhận xét, kết luận.*

### **3. Hoạt động luyện tập**

a) *Mục tiêu*: Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học về địa hình đồi núi, đồng bằng châu thổ.

b) *Nội dung*: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm thông qua phần mềm plicker.

**Câu 1.** Vùng núi Trường Sơn Bắc



- A. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.                      B. ở phía đông của thung lũng sông Hồng.  
C. từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.            D. từ dãy Bạch Mã trở vào phía nam.

**Câu 2.** Các dãy núi có hướng vòng cung là đặc điểm địa hình của vùng núi

- A. Đông Bắc.    B. Tây Bắc.  
C. Trường Sơn Bắc.    D. Trường Sơn Nam.

**Câu 3.** Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Hồng và sông Gâm.                                      B. Sông Thái Bình và sông Lô.  
C. Sông Hồng và sông Thái Bình.                              D. Sông Mê Công và sông Hồng.

**Câu 4.** Dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta là

- A. Hoàng Liên Sơn.    B. Pu Đen Đinh.  
C. Pu Sam Sao.    D. Trường Sơn Bắc.

*c) Sản phẩm:*

Các câu trả lời của HS.

*d) Cách thực hiện:*

*Bước 1: GV giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ*

HS đọc câu hỏi.

*Bước 3: HS trả lời câu hỏi*

Giơ mã QR các đáp án chọn.

*Bước 4: GV quét đáp án của HS bằng điện thoại và nhận xét.*

#### **4. Hoạt động vận dụng**

*a) Mục tiêu:* Rèn luyện năng lực tìm kiếm sưu tầm tư liệu.

*b) Nội dung:* Sưu tầm tranh ảnh về một số dãy núi, đỉnh núi cao ở nước ta.

*c) Sản phẩm:* Tranh ảnh về một số dãy núi, đỉnh núi cao.

*d) Cách thực hiện:* GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm hiểu và kiểm tra vào đầu tiết học sau.



## **PHẦN C. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC PHẦN ĐỊA LÍ 8**

*Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được quy định rõ tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2021.*

### **1. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH**

Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh là hoạt động thu thập, phân tích, xử lý thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của học sinh trong các môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục của địa phương (sau đây gọi chung là môn học) trong Chương trình giáo dục phổ thông; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục.

Để tổ chức đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học phần Địa lí 8. GV cần phải chú trọng một số vấn đề sau:

– Việc đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí 8. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/ đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng, và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy là cần chú trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó hết sức coi trọng việc đánh giá quá trình.

– Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lý và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.



– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

Để đáp ứng các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập của HS như trên, phần Địa lí 8 đã tăng cường hệ thống các câu hỏi trong phần hình thành kiến thức mới, phần luyện tập và vận dụng. Do vậy GV nên sử dụng các câu hỏi đó để tổ chức đánh giá kết quả học tập thường xuyên cho HS. Đồng thời, khi tổ chức các hoạt động học tập, GV nên đa dạng các hình thức và công cụ đánh giá để tạo cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá. GV có thể thiết kế bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,... để tổ chức đánh giá sản phẩm học tập cho HS.

## 2. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

*Môn Lịch sử và Địa lí 8 – phần Địa lí được thực hiện đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số.*

### 2.1. Đánh giá bằng nhận xét

– Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

– Học sinh dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

– Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh.

– Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

### 2.2. Đánh giá bằng điểm số

– Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

– Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trong đó có môn Lịch sử và Địa lí 8; kết quả học tập



được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

### **3. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN**

Đánh giá thường xuyên hay còn gọi đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học, cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu đổi mới tổ chức các hoạt động học tập của HS. ĐGTX chỉ những hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện trong quá trình dạy học, có ý nghĩa phân biệt với những hoạt động kiểm tra đánh giá trước khi bắt đầu quá trình dạy học một môn học nào đó (đánh giá đầu năm/đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc quá trình dạy học môn học này (đánh giá tổng kết). ĐGTX được xem là đánh giá vì quá trình học tập hoặc vì sự tiến bộ của người học.

ĐGTX không nhằm mục đích đưa ra kết luận về kết quả giáo dục cuối cùng của từng HS. Ngoài việc kịp thời động viên, khuyến khích khi HS thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, ĐGTX còn tập trung vào việc phát hiện, tìm ra những thiếu sót, hạn chế, những nhân tố ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, rèn luyện của HS để có những giải pháp hỗ trợ điều chỉnh kịp thời, giúp cải thiện, nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

ĐGTX tập trung vào các nội dung sau:

- Theo dõi sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện được giao.
- Sự hứng thú, tự tin của HS khi thực hiện các hoạt động học tập cá nhân.
- Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm.

Thời điểm ĐGTX được thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá.

Đối tượng tham gia đánh giá thường xuyên rất đa dạng, bao gồm: GV đánh giá, HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, phụ huynh đánh giá và đoàn thể, cộng đồng đánh giá.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học. Đối với môn Lịch sử và Địa lí 8 có



tổng số tiết là 105 tiết/năm học, số điểm đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì là 4 điểm (bao gồm cả phần Lịch sử).

Đối với môn Lịch sử và Địa lí 8, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung đến thời điểm kiểm tra, đánh giá. Giáo viên được phân công dạy học chủ đề chung, chịu trách nhiệm việc kiểm tra, đánh giá chủ đề chung (gồm đánh giá thường xuyên và định kì).

#### 4. ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

– Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí của HS so với yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất HS.

– Mục đích chính của đánh giá định kì là thu thập thông tin từ HS để đánh giá thành quả học tập và giáo dục sau một giai đoạn học tập nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định thành tích của HS, xếp loại HS và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

– Nội dung đánh giá định kì tập trung vào việc đánh giá mức độ đạt được yêu cầu cần đạt của HS về phẩm chất, năng lực của chương trình môn Lịch sử và Địa lí sau một giai đoạn học tập (giữa kì)/ cuối kì.

– Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

– Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì.



- Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định, nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.
- Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Thời điểm đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện đánh giá định kì có thể là GV đánh giá, nhà trường đánh giá hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

Phương pháp đánh giá định kì có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; hỏi – đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ học tập...

Công cụ đánh giá định kì có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu...

Trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí minh chứng thu thập được của đánh giá định kì thường là kết quả các bài kiểm tra giữa học kì hoặc cuối học kì. Cách đánh giá là đối chiếu kết quả HS làm được với đáp án mà GV đã xây dựng.

Kết quả các bài kiểm tra có thể được minh chứng thông qua câu trả lời của HS cho các bài kiểm tra tự luận hoặc bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan. Trong đó có mức độ lồng ghép, các câu hỏi mở, câu hỏi cần trình bày suy nghĩ quan điểm của HS được thể hiện qua 4 mức độ yêu cầu:

- Nhận biết: nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.
- Thông hiểu: diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.
- Vận dụng: kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.
- Vận dụng cao: vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí về phát triển phẩm chất, năng lực của HS ở từng học kì và từng khối lớp, GV và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm





bảo sự phù hợp với đối tượng HS và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Ngoài ra, việc đánh giá định kì theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí còn có thể sử dụng đánh giá thông qua việc tập hợp hồ sơ và sản phẩm học tập của học sinh sau khi kết thúc một kì học hoặc năm học để đánh giá. Đối với môn Lịch sử và Địa lí, kết quả đánh giá của từng học sinh sẽ phải dựa vào kết quả đánh giá thường xuyên kết hợp với đánh giá định kì để có được những thông tin chính xác và mức độ đạt được và sự tiến bộ của học sinh.

Công cụ đánh giá kết quả học tập của HS được hiểu là những phương tiện hay kỹ thuật được sử dụng trong quá trình đánh giá nhằm đạt được mục đích đánh giá. Các công cụ đánh giá rất đa dạng như: câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, sản phẩm học tập, hồ sơ học tập, bảng kiểm (checklist), thang đánh giá (rating scales), phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics),... Dưới đây, nhóm tác giả sẽ tập trung đi sâu một số dạng câu hỏi kiểm tra đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực HS.

## 5. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

### 5.1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

#### 5.1.1. Ví dụ

Trên đất liền, nước ta giáp với ba nước là:

- A. Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia.
- B. Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.
- C. Lào, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a.
- D. Trung Quốc, Cam-pu-chia, Mi-an-ma.

#### 5.1.2. Đặc điểm câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn có cấu trúc gồm phần dẫn là một hoặc một vài câu dẫn và 04 phương án lựa chọn, trong đó có 01 phương án là đáp của câu hỏi.

#### **Phần dẫn**

+ Là câu phát biểu căn bản, gọi là câu dẫn hoặc câu hỏi. Phần dẫn của mỗi câu hỏi có nhiều dạng, có thể là: một câu chưa hoàn chỉnh; một câu hỏi được nêu rõ ràng; một câu thiếu thông tin. Chức năng chính của phần dẫn là đặt câu hỏi, đưa ra yêu cầu cho HS thực hiện, đặt ra tình huống/vấn đề cho HS giải quyết.



+ Yêu cầu cơ bản khi viết phần dẫn, phải làm HS biết rõ/hiểu rõ câu hỏi cần phải trả lời, yêu cầu cần thực hiện, vấn đề cần giải quyết. Một phần dẫn tốt có đặc điểm là: vấn đề hoặc câu hỏi được xác định rõ ràng; có thật và có giá trị kiểm tra chặt chẽ; gây hứng thú đối với học sinh; văn hoá và ngôn ngữ phù hợp; bản quyền rõ ràng; không nêu bao gồm bất kỳ thông tin không cần thiết, thừa nào khác; được viết và thiết kế tốt; đặt ra thách thức một cách tối ưu nhất, không quá khó hoặc quá dễ; không đặt ra những thách thức giả; bao gồm tất cả các thông tin cần thiết để trả lời câu hỏi; đúng với thực tế; đưa ra cơ hội để tìm kiếm câu hỏi,...

### **Đáp án**

+ Là phương án đúng, phương án tốt nhất; đảm bảo chắc chắn rằng chỉ có một câu trả lời chính xác hoặc đúng nhất. Chức năng chính là thể hiện sự hiểu biết của HS và sự lựa chọn chính xác hoặc tốt nhất cho câu hỏi hay vấn đề mà câu hỏi yêu cầu.

+ Yêu cầu khi thiết kế đáp án: trả lời rõ ràng câu hỏi đặt ra; không quá hiển nhiên (không dài hơn, chi tiết hơn hoặc bao gồm các từ khoá chính của phần dẫn); tránh ngôn ngữ song song giữa phần dẫn và đáp án có thể đưa ra gợi ý cho đáp án đúng, tạo cơ hội cho thí sinh không nắm được kiến thức nhưng có chiến lược làm bài; phân phối ngẫu nhiên các câu trả lời trên các vị trí khác nhau trong bài thi, không sử dụng thứ tự dễ đoán cho các đáp án; có cùng độ dài, ngôn ngữ với các phương án nhiễu.

### **Phương án nhiễu (3 phương án nhiễu)**

+ Là câu trả lời đủ hợp lí (nhưng không chính xác) đối với câu hỏi hoặc vấn đề được nêu ra trong câu dẫn để thu hút các HS dưới trình độ của câu hỏi (quan niệm sai lầm phổ biến, hiểu sai căn bản,...); chỉ hợp lí đối với những HS không có kiến thức hoặc không đọc tài liệu đầy đủ; thể hiện những khác biệt mà đòi hỏi thí sinh có thể phải giải quyết một nhiệm vụ hoặc hiểu rõ để trả lời câu hỏi.

+ Yêu cầu khi viết phương án nhiễu: Không sử dụng phương án nhiễu như “Tất cả các phương án trên” hay “Không phương án nào”; đảm bảo sự tương đồng giữa các phương án lựa chọn về mặt: cấu trúc ngữ pháp, chiều dài văn bản, phương thức biểu đạt; tránh lỗi ngữ pháp có thể vô tình cung cấp gợi ý cho câu trả lời; không sử dụng phương án nhiễu tùy tiện nếu chỉ vì không thể nghĩ ra được phương án nhiễu hợp lí.

### **5.1.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

Ưu điểm: Có thể đo được khả năng tư duy khác nhau ... Có thể dùng loại này để kiểm tra, đánh giá những mục tiêu giảng dạy khác nhau; nội dung đánh giá được nhiều, có thể bao quát được toàn bộ chương trình học; độ tin cậy cao hơn, yếu tố đoán mò may rủi giảm hơn so với câu hỏi có 2 lựa chọn...(câu hỏi đúng sai); độ giá trị cao hơn nhờ tính chất có thể dùng



đo những mức nhận thức và tư duy khác nhau và ở bậc cao;

Nhược điểm: Các câu hỏi khó đo được khả năng diễn giải hoặc giải quyết vấn đề một cách hiệu nghiệm; các câu hỏi dễ rơi vào tình trạng kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức nếu viết hời hợt.

#### 5.1.4. Một số chú ý về viết câu hỏi câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Cần xác định đúng mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá để từ đó xây dựng câu hỏi cho phù hợp; mỗi câu hỏi tập trung vào một vấn đề duy nhất.

Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống, tránh viết câu không phù hợp với thực tế; tránh các kiến thức quá riêng biệt hoặc câu hỏi dựa trên ý kiến cá nhân.

### 5.2. Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (ghép hợp)

#### 5.2.1. Ví dụ

Hãy ghép ý ở cột A với ý ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A. Hệ thống sông	Cột B. Đặc điểm
1. Hệ thống sông Hồng	A. Hướng tây – đông; mùa lũ vào thu – đông, kéo dài khoảng 3 tháng; chế độ nước khá phức tạp; lũ lên nhanh và rút nhanh.
2. Hệ thống sông Thu Bồn	B. Có nhiều phụ lưu; chế độ nước chảy khá đơn giản và điều hoà; mùa lũ kéo dài khoảng 5 tháng; lũ lên chậm và rút chậm.
3. Hệ thống sông Cửu Long	C. Hướng tây bắc – đông nam; có rất nhiều phụ lưu; chế độ nước chảy khá đơn giản; mùa lũ kéo dài khoảng 5 tháng; lũ lên nhanh.

#### 5.2.2. Quan niệm câu hỏi trắc nghiệm ghép hợp

Loại câu hỏi này có phần đề hỏi, gồm các câu hỏi hoặc câu chưa hoàn chỉnh đặt vào một cột; một cột khác là danh sách những câu trả lời hoặc câu ghép với câu ở cột cạnh bên để trở thành câu có nội dung đúng. Dựa trên một hệ thức tiêu chuẩn nào đó định trước, HS tìm cách ghép những câu hỏi của cột này với các câu trả lời ở cột khác sao cho phù hợp. Số câu trong hai cột có thể bằng nhau hoặc khác nhau.

Để đảm bảo độ giá trị của câu hỏi và giảm thiểu khả năng đoán mò của người học khi làm bài, người dạy có thể thiết kế số lượng các lựa chọn trả lời nhiều hơn số lượng các lựa chọn đề hỏi (5 – 6 lựa chọn).



### 5.2.3. Ưu điểm và nhược điểm của câu trắc nghiệm ghép hợp

Ưu điểm: Có thể đo nhiều mức trí năng khác nhau nhưng hữu hiệu nhất trong việc đánh giá khả năng nhận biết các hệ thức hay lập các mối quan hệ tương quan.

Nhược điểm: Không thích hợp cho việc thẩm định các khả năng như sắp đặt và vận các kiến thức, quy luật.

### 5.2.4. Một số chú ý khi biên soạn câu trắc nghiệm ghép hợp

Cần hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về cách thức ghi câu trả lời.

Phải đảm bảo tính nhất quán, tương đồng giữa các câu hỏi trong cùng một bài tập ghép hợp.

## 5.3. Câu trắc nghiệm đúng/ sai (hoặc có/ không) phức hợp

### 5.3.1. Ví dụ

Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống trước các câu dưới đây.

- A. Việt Nam là một trong những trung tâm đa dạng sinh học của thế giới.
- B. Sự đa dạng và giàu có về sinh vật nước ta là do nguồn gen đa dạng.
- C. Biến đổi khí hậu không phải là nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học.
- D. Hệ sinh thái rừng tự nhiên thu hẹp sẽ làm cho loài sinh vật hoang dã mất môi trường sinh sống.
- E. Suy giảm đa dạng sinh học sẽ dẫn đến tăng nguy cơ xảy ra các thiên tai.

### 5.3.2. Quan niệm về câu trắc nghiệm đúng/ sai hoặc có/ không phức hợp

Câu trắc nghiệm lựa chọn Đúng/ Sai hoặc Có/ Không phức hợp thường có định dạng là có phần đề hỏi và phần trống để HS điền trả lời. Loại câu hỏi này gồm hai cột, một cột là danh sách những câu hỏi và một cột là danh sách các câu trả lời mà người học phải dựa vào hiểu biết của mình để đưa ra quyết định điều đó là Đúng hoặc Sai; Có hoặc Không. Loại câu hỏi này rất phù hợp để khảo sát việc người học ghi nhớ hay nhận biết sự kiện, chi tiết.

Thông thường, trong một câu hỏi có 4 – 5 phương án lựa chọn đúng/ sai, có/ không.

### 5.3.3. Ưu điểm, nhược điểm của câu trắc nghiệm đúng/ sai phức hợp

Ưu điểm: Có thể đo nhiều mức trí năng khác nhau nhưng hữu hiệu nhất trong việc đánh giá các cấp độ thấp của nhận thức.

Nhược điểm: Không thích hợp cho việc thẩm định các khả năng như sắp đặt và vận các kiến thức, quy luật.

### 5.3.4. Một số chú ý khi biên soạn câu trắc nghiệm đúng/ sai phức hợp



Mỗi câu trắc nghiệm chỉ nên bao hàm một vấn đề cần kiểm tra, không nên đưa vào nhiều hơn một ý để tránh trường hợp câu hỏi nửa đúng, nửa sai; mỗi nhận định để người học xác định là đúng hay sai cần là một ý trọn vẹn.

Câu trắc nghiệm cần phải được diễn đạt mạch lạc, rõ ràng để có thể xác định được rõ là Đúng hay Sai, tránh các cách diễn đạt có thể gây hiểu nhầm, hoặc không thể xác định được là Đúng hay sai.

## 5.4. Một số dạng câu hỏi khác

### 5.4.1. Viết một đoạn văn ngắn dựa vào tư liệu

Ví dụ: Suu tầm tư liệu, hãy dựng một video clip hoặc viết một đoạn văn ngắn về sự cần thiết phải bảo vệ rừng ở nước ta.

### 5.4.2. Đọc đoạn văn cho trước và tóm tắt hoặc nêu nội dung chính

Ví dụ: Đọc đoạn thông tin sau và cho biết:

*“Tính riêng trong giới thực vật tự nhiên, nước ta có tới 14 624 loài thuộc gần 300 họ. Đối với động vật, nước ta có tới 11 217 loài và phân loài, trong đó có trên 1 000 loài và phân loài chim, 265 loài thú, 350 loài bò sát lưỡng cư, 5 000 loài côn trùng, 2 000 loài cá biển, gần 500 loài cá nước ngọt và hàng nghìn loài tôm, cua, nhuyễn thể và thủy sinh vật khác”.*

- Đoạn thông tin trên đề cập tới những vấn đề gì?
- Nguyên nhân nào đã giúp cho nước ta có được đặc điểm trên?

## 6. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

### 6.1. Các bước xây dựng đề kiểm tra

- Bước 1.** Xác định mục đích của đề kiểm tra
- Bước 2.** Xác định hình thức đề kiểm tra
- Bước 3.** Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra)
- Bước 4.** Biên soạn câu hỏi theo ma trận
- Bước 5.** Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm
- Bước 6.** Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

### 6.2. Hướng dẫn xây dựng ma trận đề kiểm tra

Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: Chương/chủ đề; Nội dung/đơn vị kiến thức; Mức độ nhận thức/cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí; Tỷ lệ % cho



từng mức độ nhận thức... Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương. Có nhiều phiên bản Ma trận đề kiểm tra. Mức độ chi tiết của các ma trận này phụ thuộc vào mục đích và đối tượng sử dụng.

a) Cấu trúc một bảng ma trận đề kiểm tra gồm các thông tin như sau:

- Tên Bảng ma trận
- Cấu trúc từng phần (Prompt Attributes):
- Cấu trúc và tỷ trọng từng phần
- Các câu hỏi trong đề kiểm tra (items)
- + Dạng thức câu hỏi
- + Nội dung/Lĩnh vực kiến thức
- + Cấp độ/thang năng lực đánh giá
- + Vị trí câu hỏi trong đề kiểm tra
- Các thông tin hỗ trợ khác

b) Thông tin cơ bản của ma trận đề kiểm tra:

- Mục tiêu đánh giá (objectives)
  - Lĩnh vực, phạm vi kiến thức (Content)
  - Tổng số câu hỏi
  - Phân bố câu hỏi theo lĩnh vực, phạm vi kiến thức, mức độ khó, mục tiêu đánh giá.
  - Các lưu ý khác,...

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ/ CUỐI KÌ  
PHÂN MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	



Phân môn Địa lí										
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....								
		Nội dung 2. ....								
		Nội dung n. ....								
2	Chủ đề B									
3	Chủ đề n									
<b>Tỉ lệ</b>			<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>				
Phân môn Lịch sử										
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....								
		Nội dung 2. ....								
		Nội dung n. ....								
2	Chủ đề B									
3	Chủ đề n									
<b>Tỉ lệ</b>			<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>				
<b>Tổng hợp chung</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>				

c) Hướng dẫn xây dựng



– Mỗi phân môn được tính 50% số điểm. Tỷ lệ các mức độ nhận thức của hai phân môn bằng nhau.

– Chủ đề liên môn được phân công dạy ở phân môn thì được kiểm tra tích hợp vào phân môn đó.

– Tỷ lệ điểm của chủ đề A + chủ đề B + .... + cộng chủ đề n = 50% tổng điểm (tương đương 5,0 điểm).

– Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

### 6.3. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra

#### a) *Khái niệm bản đặc tả*

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá và xây dựng đề kiểm tra, đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho *hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được. Người học có thể sử dụng để chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình. Còn người dạy có thể áp dụng để triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá.* Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

#### b) *Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra*

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

##### (i) Mục đích của đề kiểm tra

Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.

Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.





Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.

Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.

Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đề ra. Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.

Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

(ii) Hệ mục tiêu dạy học/tiêu chí đánh giá

Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học. Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom,...

(iii) Bảng đặc tả đề kiểm tra

Bảng đặc tả đề kiểm tra là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chương/chủ đề nội dung kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chương/chủ đề nội dung kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp.

(iv). Cấu trúc đề kiểm tra: Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

### BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

#### MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Lớp .....

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
<b>Phân môn Địa lí</b>							
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....	Nhận biết  Thông hiểu				



			<b>Vận dụng</b> <b>Vận dụng cao</b>				
		Nội dung 2. .....					
		Nội dung n. .....					
2	Chủ đề B						
3	Chủ đề n						
Số câu/ loại câu				... câu TNKQ	... câu TL	... câu TL	... câu TL
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>20</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
<b>Phân môn Lịch sử</b>							
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....	<b>Nhận biết</b> <b>Thông hiểu</b> <b>Vận dụng</b> <b>Vận dụng cao</b>				
		Nội dung 2. .....					
		Nội dung n. .....					
2	Chủ đề B						
3	Chủ đề n						
Số câu/ loại câu				... câu TNKQ	... câu TL	... câu TL	... câu TL
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>20</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
<b>Tổng hợp chung</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>



**c) Hướng dẫn xây dựng**

– Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

– Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

– Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu \* với nghĩa chọn cho trường hợp (hoặc).

– Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

**6.4. Đề kiểm tra cuối học kì 1 – phân môn Địa lí**

**6.4.1. Mục đích của đề kiểm tra**

– Đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong các nội dung: đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam, đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam.

– Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học.

**6.4.2. Hình thức đề kiểm tra**

Kết hợp: Trắc nghiệm và tự luận

**6.4.3. Ma trận đề kiểm tra**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<b>Phân môn Địa lí</b>											
<b>1</b>		Vị trí địa lí	1TN								



	<b>Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, địa hình và khoáng sản Việt Nam</b>	Phạm vi lãnh thổ								
		Địa hình	1TN							
		Khoáng sản	1TN							
2	<b>Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam</b>	Khí hậu	2TN		2TN		1TL		1TL	
		Thủy văn			1TN					
<b>Tỉ lệ</b>			<b>20%</b>		<b>15%</b>		<b>10%</b>		<b>5%</b>	
<b>Phân môn Lịch sử</b>										
<b>Tổng hợp chung</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>	

#### 6.4.4. Bản đặc tả

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
<b>Phân môn Địa lí</b>							
1	<b>Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ, địa hình và khoáng</b>	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	<b>Nhận biết</b> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí. <b>Thông hiểu</b> – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với	1 TN			



<b>sản Việt Nam</b> (12 tiết; 2,5 điểm)		sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.				
	Địa hình và khoáng sản	<b>Nhận biết</b> – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người. – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. <b>Thông hiểu</b> – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. <b>Vận dụng</b> – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.	3 TN*			



2	Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam (12 tiết; 3 điểm)	Khí hậu và thủy văn	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.</li><li>– Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.</li></ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.</li><li>– Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam.</li><li>– Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.</li><li>– Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.</li><li>– Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.</li></ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>– Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.</li><li>– Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số</li></ul>	4 TN*		1TL*			1TL*
---	---	---------------------	---	-------	--	------	--	--	------





**Câu 3.** Địa hình đồi núi ở nước ta được chia thành bốn khu vực là:

- A. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn và Nam Bộ.
- B. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Đông Nam, Tây Nam, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Đông Nam, Tây Nam, Trường Sơn và Nam Bộ.

**Câu 4.** Đồng bằng sông Hồng được bồi đắp bởi hệ thống các sông nào sau đây?

- A. Sông Hồng và sông Lô.
- B. Sông Hồng và sông Gâm
- C. Sông Hồng và sông Thái Bình.
- D. Sông Hồng và sông Đà.

**Câu 5.** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được thể hiện qua các yếu tố chính nào sau đây?

- A. bức xạ mặt trời, nhiệt độ và số giờ nắng.
- B. bức xạ mặt trời, nhiệt độ và lượng mưa.
- C. bức xạ mặt trời, nhiệt độ và chế độ gió.
- D. bức xạ mặt trời, nhiệt độ và cân bằng ẩm.

**Câu 6.** Trong một năm nước ta có hai mùa gió chính đó là:

- A. gió mùa xuân và gió mùa hạ.
- B. gió mùa thu và gió mùa đông.
- C. gió mùa đông và gió mùa hạ.
- D. gió mùa xuân và gió mùa thu.

**Câu 7.** Tính chất ẩm của khí hậu nước ta được thể hiện qua các yếu tố nào sau đây?

- A. Lượng mưa, nhiệt độ không khí và số giờ nắng.
- B. Lượng mưa, cân bằng ẩm và độ ẩm không khí.
- C. Bức xạ mặt trời, lượng mưa và số giờ nắng.
- D. Số giờ nắng, cân bằng ẩm và lượng mưa.

**Câu 8.** Nét độc đáo của khí hậu nước ta so với các nước có cùng vĩ độ là

- A. nhiệt độ trung bình năm cao.
- B. gió Tín phong hoạt động đan xen.
- C. lượng mưa trong năm phân hoá theo mùa.
- D. có một mùa đông lạnh ở miền Bắc.





## B. TỰ LUẬN (3 điểm)

### Câu 1. (1,5 điểm)

Hãy vẽ sơ đồ thể hiện vai trò của hồ, đầm.

### Câu 2. (1 điểm)

Đọc đoạn thông tin sau:

“Thành phố Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) nằm trên cao nguyên Lâm Viên, ở độ cao khoảng 1 500 m, nhiệt độ trung bình từ 18 °C đến 21 °C. Thời tiết Đà Lạt như có bốn mùa trong cùng một ngày, buổi sáng trời se lạnh có sương mù, đến trưa thời tiết ấm lên, về chiều nhiệt độ giảm dần, ban đêm khá lạnh. Ở đây có các đồi thông xanh mướt cùng các biệt thự cổ kính. Nhờ thiên nhiên ưu đãi, Thành phố Đà Lạt đã nhanh chóng trở thành trung tâm du lịch nổi tiếng ở nước ta”.

Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển ngành du lịch ở thành phố Đà Lạt?

**Câu 2.** (0,5 điểm) Hãy đề xuất một số giải pháp để giảm nhẹ biến đổi khí hậu của địa phương em.

### 6.4.6. Đáp án và hướng dẫn chấm

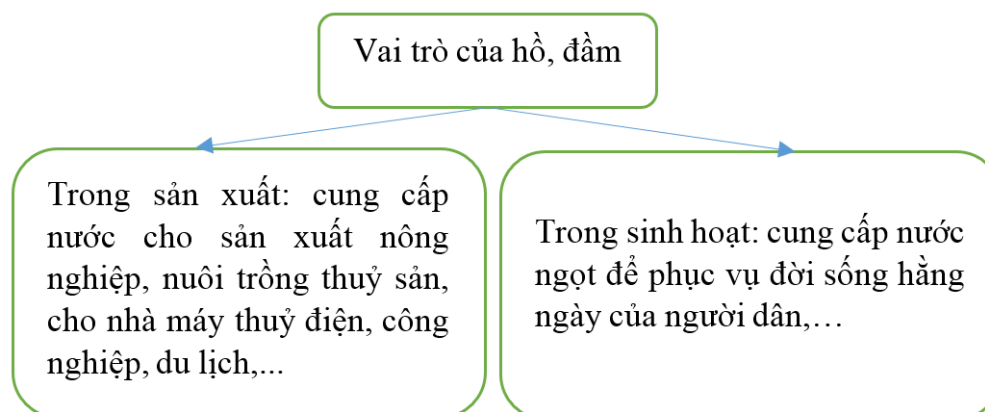
#### Phần Địa lí

#### A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	C	A	C	B	D

## B. TỰ LUẬN (3 điểm)

### Câu 1. (1,5 điểm)





**Câu 2.** (1 điểm)

Do nằm ở nơi có địa hình cao nên thành phố Đà Lạt có thời tiết rất đặc trưng, trong một ngày thời tiết giống với thời tiết của bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Điểm độc đáo này kết hợp cùng với cảnh quan đẹp đã thu hút nhiều khách du lịch tới tham quan, nghỉ dưỡng.

**Câu 3.** (0,5 điểm)

Ví dụ: phân loại rác thải, trồng cây xanh, sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, tắt máy tính khi không sử dụng,...

*Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra*

.....

.....

.....



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể; Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp trung học cơ sở); Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí; Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.
2. Nhiều tác giả. *Sách giáo viên Lịch sử và Địa lí 8; Sách Bài tập Lịch sử và Địa lí 11*. NXB Đại học Sư phạm, 2023.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán – Môđun 3: Kiểm tra, đánh giá học sinh trung học cơ sở theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Lịch sử và Địa lí*, 2020.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn giáo viên trung học cơ sở xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kì môn Lịch sử và Địa lí*, 2022.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, số 22/2021/TT-BGDĐT*.